TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-PT

Ngày: 23/01/2026

"Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng*;*

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh**,** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 132/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và chia thừa kế theo pháp luật". Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (nay là Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7337/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công M1, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, Xã T, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính là Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang); có mặt.

2. Bị đơn:

- Chị Vũ Thị P, sinh năm 1982; có mặt.

- Cháu Nguyễn Hương T1, sinh năm 2001; có mặt.

- Cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 2006; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, Xã T, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn

vị hành chính là Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố Ổ, Xã L, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính: Tổ dân phố Ổ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang); vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, Xã T, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính là Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1986; địa chỉ: C T, Phường L, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính là 36B Trực Cát, V, quận L, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- Ông Lê Duy P1, sinh năm 1966; vắng mặt.

- Anh Lê Duy V1, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, Xã T, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính là Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Lê Duy T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, Xã T, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính là Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M2 - chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu Đ - chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M2 - chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu Đ - chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Công H3, ông Nguyễn Công M1 và đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Công C, sinh năm 1934 (chết năm 2016), cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 2003) không để lại di chúc, các cụ sinh được 06 người con lần lượt là:

1. Nguyễn Công H3, sinh năm 1958;

2. Nguyễn Công D (chết năm 2016, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 và Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1 cùng sinh năm 1986);

3. Nguyễn Công M1, sinh năm 1963;

4. Nguyễn Thị H4, sinh năm 1969 (chết năm 2023, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H4 gồm ông Lê Duy P1, sinh năm 1966; Lê Duy T, sinh năm 1989; Lê Duy V1, sinh năm 1994);

5. Nguyễn Thị L, sinh năm 1970;

6. Nguyễn Công C2 (chết năm 2011, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C2 gồm: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1982 (là vợ) và các con Nguyễn Hương T1, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 2006.

Ngoài ra, cụ C, cụ C1 không có con nuôi hoặc con riêng nào khác, bố mẹ đã chết trước các cụ.

Khi chết, cụ C có để lại di sản là quyền sử dụng 140m2 đất (trong đó có 121,1m2 đất ở và 18,9m2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thừa đất số 02, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 00730 ngày 02/11/2012 đứng tên Nguyễn Công C. Nguồn gốc đất của bố mẹ có từ trước, diện tích lúc đầu theo giấy chứng nhận QSD đất cấp năm 1993 là 338m2 đất ở, đến năm 2001 thì tách cho Nguyễn Công H3 136m2 đất ở, Nguyễn Công M1 80m2 đất ở. Diện tích còn lại 140m2 gia đình có thống nhất cho cụ C toàn quyền sử dụng. Năm 2012, cụ C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất trên. Cụ C ở cùng vợ chồng anh C2, chị P và 02 con trên diện tích đất này.

Năm 2016, cụ C chết, 03 mẹ con chị P sinh sống trên diện tích đất này đến năm 2017 thì phá nhà cấp 4 để xây dựng nhà tầng kiên cố, khi đó các ông không đồng ý nhưng cũng không ngăn cản gì. Tháng 9/2021, khi Nhà nước làm đường có thu hồi một phần diện tích của cụ C, lúc đó chị P có đưa ra bản di chúc thể hiện việc cụ C để lại diện tích đất trên cho 02 cháu V và T1.

Các ông xác định bản di chúc là không hợp pháp, vi phạm hình thức chứng thực, vi phạm nội dung xác định tỷ lệ phần trăm không cụ thể. Mặt khác, cụ C là người biết chữ tại sao lại không ký mà điểm chỉ, vân tay trong di chúc không rõ

có phải là của cụ C hay không, có thể cụ C bị ép buộc hoặc cầm tay điểm chỉ khi ngủ hoặc không minh mẫn, lời chứng của người chứng thực không đúng, các ông không đề nghị giám định dấu vân tay cụ C. Ông H3 khẳng định không tham gia họp và không ký vào biên bản họp gia đình, ông không đề nghị giám định cữ ký H3 trong biên bản họp gia đình. Nay các ông đề nghị:

- Tuyên bố di chúc của cụ C lập ngày 07/11/2012 đã được chứng thực tại UBND xã T là vô hiệu.

- Đề nghị chia di sản thừa kế của cụ C làm 06 phần, phần diện tích Nhà nước đã thu hồi thì thanh toán bằng tiền, phần diện tích đất còn lại giao cho mẹ con chị P và mẹ con chị P có nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế giá trị tương ứng. Về nghĩa vụ do người chết để lại, tiền mai táng phí, tài sản trên đất các ông không có ý kiến gì.

Ngày 30/7/2024, ông H3 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Tại phiên tòa, ông M1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị P, cháu V, cháu T1 trình bày:

Chị xác nhận về thời gian chết và hàng thừa kế của cụ C như ông H3, ông M1 khai là đúng. Khi còn sông cụ C sống cùng với vợ chồng chị, năm 2011 thì anh C2 (chồng chị) chết. Sau khi anh C2 chết, mẹ con chị vẫn sống chung và chăm sóc cho đến khi cụ C chết.

Cụ C có thửa đất có diện tích đất hơn 300m2, năm 2001 cụ C đã phân chia đất cho các con, cụ thể ông H3 và ông M1 mỗi người một phần, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, diện tích còn lại thì cụ C nói là sẽ cho anh C2 là con trai út. Tuy nhiên, cụ chưa kịp sang tên chuyển nhượng thì năm 2011 anh C2 chết.

Năm 2012, cụ viết di chúc cho 02 cháu T1 và cháu V. Năm 2017, khi nhà cũ xuống cấp mẹ con chị có nói với các anh, chị là sẽ xây nhà, các anh chị đã họp gia đình trong biên bản họp có thừa nhận cụ C có di chúc để lại tài sản cho 02 cháu T1, V, do 02 cháu chưa đủ 18 tuổi nên giao cho mẹ quản lý, sử dụng và thống nhất cho mẹ con chị xây nhà ở.

Năm 2020, Nhà nước có thu hồi diện tích 62m2 đất của cụ C, mẹ con chị đã nhận tiền bồi thường về tài sản do mẹ con chị xây dựng, còn tiền bồi thường về đất hiện nay UBND huyện L vẫn đang giữ.

Nay ông H3 và ông M1 khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế, chị và các con không đồng ý vì di chúc là ý chí tự nguyện của cụ C, không bị ép buộc, đã được chứng thực tại UBND xã, các anh, em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì từ năm 2017.

Tại phiên tòa, chị P và các cháu V, T1 vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H4 trình bày:

Các bà xác nhận bố mẹ sinh được 06 người con như trên là đúng. Khi còn sống, cụ C và cụ C1 có diện tích đất 338m2, được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 1993. Năm 2001, bố mẹ đã tách đất cho ông M1 và ông H3, diện tích còn lại bố mẹ ở sau này sẽ cho C2. Năm 2011, thì C2 chết, cụ C vẫn ở cùng với chị P và cháu T1, V. Năm 2012, cụ C làm di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất cho cháu V và cháu T1, lúc đó các anh chị em đều biết. Ông D, ông M1 đã được cho nhà, đất.

Năm 2017, anh chị em trong gia đình có họp và thống nhất nhà đất cho ba mẹ con chị P có quyền xây nhà, quản lý, sử dụng nhưng không được bán, khi họp gia đình có đầy đủ các anh, chị em, sau khi họp xong có đánh thành văn bản cho mọi người ký nhưng lại quên không đưa cho ông M1 ký. Các bà xác nhận di chúc là đúng ý chí của cụ C. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông H3, ông M1 thì các bà không đồng ý vì đất đã được cụ C di chúc cho các cháu. Trong trường hợp nếu được chia thừa kế thì phần của các bà để lại cho hai cháu T1, V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H (là vợ ông D) và chị H1, chị H2 (là con ông Nguyễn Công D) trình bày:

Ông D (chết năm 2016) là con của cụ C và cụ C1. Cụ C có diện tích đất 140m2 tại Thôn T, xã T, đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: CH 00730 ngày 02/11/2012 cho cụ Nguyễn Công C. Năm 2003, cụ C1 chết không để lại di chúc, năm 2016 cụ C chết không để lại di chúc. Năm 2017, chị P tháo dỡ nhà cấp 4 của cụ C để làm nhà tầng kiên cố, hiện nay 03 mẹ con chị P quản lý, sử dụng. Tháng 9/2021 khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất của cụ C thì chị P có đưa ra một bản di chúc nói là của cụ C có chứng thực của UBND xã T, nội dung di chúc là để lại tài sản là quyền sử dụng diện tích đất trên cho cháu V và cháu T1 (là con của anh C2), sau khi xem di chúc chúng tôi xác định di chúc không hợp lệ và không có giá trị pháp lý vì: Cụ C viết tốt tại sao lại không tự mình viết di chúc, không ký tên vào bản di chúc, dấu vân tay là của ai. Di chúc không đảm bảo về nội dung và hình thức. Nên bà và các chị đề nghị tuyên bố di chúc vô hiệu, xác định tài sản của cụ C là quyền sử dụng đất là di sản thừa kế là tài sản chung của các đồng thừa kế làm nơi thờ cúng.

Ngày 30/7/2024, bà H có đơn rút toàn bộ yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Ông Lê Duy P1, anh Lê Duy T, Lê Duy V1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H4 trình bày: Các ông H3, D, M1 đều được cụ C tách cho

đất để ra ở riêng. Diện tích 140m2 đất thuộc thừa đất số 02, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Thôn T, xã T là để cho con trai út là Nguyễn Công C2. Tuy nhiên, do ông C2 không tu chí làm ăn nên cụ C chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2. Vì vậy, năm 2011 ông C2 chết thì năm 2012 cụ C viết di chúc cho 2 con của ông C2 là V và T1. Nay ông H3, ông M1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất trên thì ông và các con không yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đúng với di nguyện của cụ C.

Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

+ Nguồn gốc thửa đất: Theo bản đồ địa chính xã T đo đạc năm 1992, có thể hiện thửa đất số 516, tờ bản đồ 03, diện tích 296m2 do hộ ông Nguyễn Công C quản lý và sử dụng, đã được UBND huyện L cấp GCNQSD đất số C561288 ngày 30/12/1993.

Quá trình sử dụng đất ông C có làm thủ tục tách cho 2 con trai là ông Nguyễn Công H3 và ông Nguyễn Công M1 một phần thửa đất và đã được UBND huyện cấp GCNQSD đất theo đúng quy định pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Năm 2003, đo đạc bản đồ địa chính xã T thửa đất còn lại của hộ ông C được thể hiện tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 28, diện tích 150,4m2 tại thôn T, xã T.

Năm 2012, ông C làm thủ tục cấp đổi lại GCNQSD đất theo bản đồ địa chính chính quy. Sau khi kiểm tra, đối chiếu giữa ranh giới GCNQSD đất đã cấp với ranh giới GCNQSD đất đề nghị cấp đổi, cơ quan chuyên môn đã chỉnh lý thửa đất số 02, tờ bản đồ 28, diện tích 140m2. Ngày 02/11/2012, UBND huyện đã cấp GCNQSD đất số BM 042058 cho ông C đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ 28, diện tích 140m2. Việc cấp GCNQSD đất cho ông C năm 2012 là đảm bảo đúng quy định pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Kết quả kiểm tra xem xét:

Thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh 295B đoạn từ nhà máy G đến đường V, thành phố B. Ngày 16/11/2021, UBND huyện L đã ban hành các Quyết định: Số 3050/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, trong đó có thu hồi 52m2 (trong đó: Đất ở: 33,1m2, đất TCLN: 18,9m2) của thửa đất số 02, tờ bản đồ 28, diện tích 140m2; số 3051/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (đợt 5) để thực hiện dự án với kinh phí bồi thường đất là 600.935.000 đồng *(Sáu trăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).* Bồi thường tài sản gắn liền với đất là 59.331.248 đồng *(Năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng).*

Ngày 23/11/2021, bà Vũ Thị P đại diện hộ gia đình đã nhận số tiền 59.331.248 đồng *(Năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm bốn*

mươi tám đồng) tiền bồi thường về tài sản gắn liền với đất và tiến hành ban giao mặt bằng cho cơ quan Nhà nước thực hiện dự án.

Đối với số tiền 600.935.000 đồng *(Sáu trăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* hiện Trung tâm phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường huyện đã gửi số tiền trên vào Kho bạc Nhà nước. Sau khi gia đình thống nhất được thì sẽ chi trả theo quy định.

Kiểm tra hiện trạng thửa đất, hiện nay hộ bà Vũ Thị P đã xây dựng nhà ở 2 tầng kiên cố theo diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi.

Quan điểm của UBND huyện L:

Trước khi chết ông Nguyễn Công C có lập di chúc để lại thừa kế là quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đối với 140m^2, thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 28, tại thôn T, xã T cho 02 cháu nội là Nguyễn Hương T1, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 2006; Di chúc được UBND xã T chứng thực ngày 07/11/2012. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Ủy ban nhân dân xã T trình bày:

Ngày 07/11/2012 UBND xã có làm thủ tục chứng thực di chúc của cụ Nguyễn Công C, sinh năm 1934, địa chỉ: T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, di chúc của cụ C được đánh máy, lập ngày 07/11/2012 do cụ C điểm chỉ ngón trỏ phải. Di chúc được chứng thực bởi ông Đào Tiến H5, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T. Về hình thức của di chúc đúng theo mẫu quy định của công chứng, chức thực, về nội dung có sai câu từ đoạn "Tên tôi là" phải là "ông" Nguyễn Công C. Việc sai sót trên là do lỗi đánh máy có sự nhầm lẫn .

Về việc thu hồi một phần diện tích đất của cụ Nguyễn Công C thì: Theo dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường T, tại Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND huyện L đối với gia đình hộ chị Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thị Hương T1, Nguyễn Thị Thanh V và cụ Nguyễn Công C (đã chết) thửa đất số 02, tờ bản đồ số 28, diện tích 140m2, thì diện tích thu hồi là 52m2, diện tích còn lại là 88m2. Hiện nay gia đình chị P2 đã nhận tiền bồi thường tài sản trên đất, còn tiền bồi thường hỗ trợ về đất thì chưa trả. Ngày 07/9/2022, UBND xã T đã tiến hành mở di chúc của cụ Nguyễn Công C được lưu giữ tại UBND xã. Nội dung di chúc: Để lại toàn bộ tài sản là nhà đất của cụ C cho 02 cháu nội là Nguyễn Hương T1 và Nguyễn Thị Thanh V là con của ông Nguyễn Công C2, thuộc thửa đất số: 02, tờ bản đồ số 28, diện tích 140m2 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 02/11/2012.

Trong quá quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị đinh giá tài sản và đo đạc: Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 26/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản cụ thể như sau:

- Về đất ở: Đất có diện tích 88m2 không có tranh chấp; tại thời điểm định giá, đất ở có giá 30.000.000đồng/m2 x 88m2 = 2.640.000.000đồng; diện tích đất đã bị thu hồi trị giá: 600.935.000đồng.

- Về tài sản trên đất: Nhà ở cấp 3, xây dựng năm 2017, diện tích 173,72m2 trị giá 541.138.000đồng; Ki ốt loại A làm năm 2021, diện tích 25,25m2, trị giá: 18.862.000đồng.

Sau khi định giá tài sản không đương sự nào có ý kiến về kết quả thẩm định và định giá tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiền hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 và quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 59/2024/QĐ-SCBSBA ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (nay là Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh) đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 278; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635 636, 659, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Công M1 về việc tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Công C được chứng thực số 206/Quyển 01/2012/CC-SCT-HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 07/11/2012 là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công M1 về việc chia di sản thừa kế 140m2 đất tại thửa số 02, tờ bản đồ 28, thôn T, xã T, huyện L.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H3, bà Nguyễn Thị H đối với 140m^2 đất tại thửa số 02, tờ bản đồ 28, thôn T, xã T, huyện L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/9/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Công M1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Công M1 giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn: giữ ý kiến đã trình bày taị cấp sơ thẩm, đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội có quan điểm:Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về đường lối giải quyết, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án sơ dân sự thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế. Vì vậy, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự và tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 16/11/2016 cụ C chết, ngày 08/11/2021 ông M1 khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ C, yêu cầu yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 07/11/2012 vô hiệu. Tòa án thụ lý giải quyết là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Ngày 07/11/2012, tại trụ sở UBND xã T, cụ Nguyễn Công C lập di chúc có nội dung là cụ để lại cho 02 cháu nội là Nguyễn Hương T1 và Nguyễn Thị Thanh V 140m2 đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 28, thôn T, xã T, huyện L. Diện tích đất này đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 02/11/2012, mang tên Nguyễn Công C.

Cụ C đã nghe đọc lại di chúc, đã điểm chỉ ngón trỏ phải vào di chúc trước mặt người chứng thực. Việc chứng thực đã được vào sổ chứng thực số 206/ Quyển 01/2012/TP/CC-SCT-HĐGD.

Tại thời điểm công chứng, cụ C minh mẫn sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không

trái đạo đức xã hội. Di chúc của cụ C đã tuân thủ đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 652 và Điều 658 Bộ luật Dân sự 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn nghi ngờ về tính pháp lý của di chúc vì: Cụ C là người viết tốt tại sao lại phải đánh máy di chúc, tại sao cụ không ký và ghi rõ họ tên mà lại điểm chỉ dấu vân tay vào di chúc, dấu vân tay điểm chỉ có phải là của cụ C không, cụ chiểu có tự nguyện điểm chỉ hay do người khác cầm tay ép cụ điểm chỉ vào di chúc, trình tự chứng thực di chúc không đúng quy định của pháp luật... Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho các ý kiến trên. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tòa án cấp sơ thẩm giải thích nhưng nguyên đơn không yêu cầu giám định dấu vân tay của cụ C trên di chúc. Vì vậy, ông M1 kháng cáo đề nghị tuyên bố di chúc vô hiệu là không có căn cứ.

Ông M1 xác định diện tích 140m2 đất thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 28, thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (cũ) là di sản của cụ C và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, do di chúc của cụ C hợp pháp nên di sản của cụ C là diện tích đất nêu trên đã được định đoạt theo di chúc là cho cháu V và cháu T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu chia thừa kế đối với diện diện tích đất trên của ông M1.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Công M1 phải chịu án phí phúc thẩm dân sự; xác nhận ông Nguyễn Công M1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000071 ngày 07/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (ông Nguyễn Công M1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Công M1; Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (trước sáp nhập).

2. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Công M1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông M1 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000071 ngày 07/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điều Văn Hằng